

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-ST

Ngày 16 - 11 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay

tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Đ

Ông Vũ Hùng T

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Bích H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa:
Bà Quách Thị Như Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2023/TLST-DS ngày 19/6/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-DS ngày 28/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2023/QĐST-DS ngày 12/9/2023; Số: 112/2023/QĐST-DS ngày 29/9/2023; Số: 115/2023/QĐST-DS ngày 10/10/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 124/2023/QĐST-DS ngày 30/10/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số nhà 98, tổ 42, phố Tiên Sơn, phường T, thành phố V, tỉnh P. (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Vũ Anh P, sinh năm 1978 và anh Vũ Sinh Q, sinh năm 1976.

Đều có địa chỉ: Số nhà 67, tổ 42, phố Tiên Sơn, phường T, thành phố V, tỉnh P. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Thiên An Lương.

Địa chỉ: Tầng 2, số nhà 402 đường Trần Phú, phường L, thành phố V, tỉnh P. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lưu Đức L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 40B, phố Tiên Sơn, phường T, thành phố V, tỉnh P. (Xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 38, phố Thành Công, phường T, thành phố V, tỉnh P. Anh M hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. (Xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Hoàng Thị V trình bày: Do quen biết nên ngày 17/4/2023 bà có cho vợ chồng anh Vũ Sinh Q, chị Vũ Anh P vay số tiền 859.000.000đ (*Tám trăm năm mươi chín triệu đồng*), lúc vay tiền, anh chị Q P có thỏa thuận với bà vay 01 năm sẽ trả, cụ thể từ ngày 17/4/2023 đến ngày 17/4/2024. Bà có đồng ý và cũng thỏa thuận lại với anh chị Q P là nếu bà cần có nhu cầu lấy lại tiền trước hạn, trong thời gian 05 ngày kể từ ngày bà thông báo anh chị Q P sẽ trả lại tiền cho bà đầy đủ như đã cam kết. Sau đó đến ngày 17/5/2023 bà cần tiền để sửa nhà và có yêu cầu bằng miệng cho anh chị Q P trả lại cho bà cả tiền gốc và lãi nhưng anh chị Q P không chịu trả. Đến ngày 29/5/2023 bà có thông báo yêu cầu trả nợ bằng văn bản cho chị P, anh Q gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện. Nhưng chị P và anh Q vẫn không trả nợ. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà, bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị P, anh Q phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 859.000.000đ (*Tám trăm năm mươi chín triệu đồng*) và số tiền lãi là 10.000.000đ/01 tháng kể từ ngày vay tiền 17/4/2023 đến nay.

Tại phiên hòa giải và các lời khai tiếp theo bà V thay đổi quan điểm và trình bày: Do quen biết đến năm 2022 bà có cho chị P vay số tiền 1.510.000.000đ (*Một tỷ năm trăm mười triệu đồng*) đến ngày 10/4/2023 bà lại cho vợ chồng chị P anh Q vay thêm 1.300.000.000đ (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) để trả vào khoản vay của anh chị tại Quỹ tín dụng nhân dân phường T rồi anh chị đem thế chấp vay mới tại Ngân hàng VPBank. Tổng số tiền vợ chồng chị P anh Q vay là 2.810.000.000đ (*Hai tỷ tám trăm mười triệu đồng*). Sau đó vợ chồng chị P cam kết ngày 17/4/2023 sẽ được giải ngân khoản tiền vay tại Ngân hàng VPBank là 1.990.000.000đ (*Một tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng*) thì sẽ trả nợ cho bà vào các khoản vay sau: 1.300.000.000đ vay ngày 10/4/2023 và trả bớt 690.000.000đ của khoản vay cũ là 1.510.000.000đ vay trước đó. Nhưng thực tế anh chị Q P không trả bà đúng hạn mà trả thành nhiều lần vào các ngày cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 20/4/2023 trả 790.000.000đ (Chuyển khoản tại ngân hàng VPBank);
- Lần 2: Ngày 09/5/2023 trả 510.000.000đ (Chuyển khoản tại ngân hàng BIDV);
- Lần 3: Ngày 09/5/2023 trả 510.000.000đ (Chuyển khoản tại ngân hàng BIDV);
- Lần 4: Ngày 10/5/2023 trả 80.000.000đ (Chuyển khoản tại ngân hàng BIDV);
- Lần 5: Ngày 25/5/2023 trả 100.000.000đ (Chuyển khoản tại ngân hàng BIDV).

Tổng các lần đã chuyển trả là 1.990.000.000đ (*Một tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng*) theo giấy viết cam kết. Sau khi chuyển trả đủ số tiền 1.990.000.000đ (*Một tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng*) vợ chồng chị P anh Q chót còn nợ lại bà 820.000.000đ (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*) tiền gốc và 39.0000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*) tiền lãi cũ cộng dồn tính đến ngày 17/4/2023 của các khoản vay cụ thể là:

- Khoản 1.510.000.000đ, lãi suất 1%/tháng x 2,5 tháng = 37.000.000đ (làm tròn);
- Khoản 1.300.000.000đ, lãi suất 1%/tháng x 7 ngày vay = 3.000.000đ (làm tròn).

Tổng lãi thực tế vợ chồng chị P anh Q nợ tính đến ngày 17/4/2023 là 40.000.000đ nhưng chị P xin bớt 1.000.000đ nên giữa bà và vợ chồng chị P chót lãi cũ, anh chị Q P nợ bà là 39.000.000đ.

Tất cả các khoản vay trên là đã chót đến ngày 17/4/2023 còn lại lãi của 820.000.000đ tiền gốc từ ngày 18/4/2023 đến nay bà chưa tính. Nay bà đề nghị Tòa

án buộc vợ chồng chị Vũ Anh P và anh Vũ Sinh Q phải trả cho bà theo giấy cam kết ngày 17/4/2023 và giấy vay tiền ngày 17/4/2023 là 820.000.000đ tiền gốc và 39.000.000đ tiền lãi của nợ cũ và tiền lãi của 820.000.000đ gốc này chị P và anh Q đã cam kết trả bà 10.000.000đ/tháng kể từ ngày 18/4/2023 nhưng từ đó đến nay chị P và anh Q chưa trả mặc dù bà đã yêu cầu rất nhiều lần.

Tại phiên tòa ngày 30/10/2023 bà V có trình bày là tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh P bà có làm đơn tố cáo ông Nguyễn Văn M về khoản tiền ông M vay bà 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) và bà không liên quan gì đến việc chị P tố cáo ông M đối với số tiền 1.200.000.000đ. Bà V có nộp cho Tòa án 01 bản phô tô Giấy vay tiền ngày 07/9/2022 của người vay tiền là Phùng Thị Hồng P và chồng là Nguyễn Văn M và 01 đơn tố cáo viết tay đối với ông Nguyễn Văn M.

* *Bị đơn chị Vũ Anh P trình bày:* Chị nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 117/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V về việc bà Hoàng Thị V khởi kiện chị và chồng chị là Vũ Sinh Q phải trả số tiền 859.000.000đ (*Tám trăm năm mươi chín triệu đồng*) và khoản tiền lãi từ ngày 17/4/2023 đến nay theo thỏa thuận là 10.000.000đ/01 tháng. Chị và bà Hoàng Thị V là hàng xóm láng giềng quen biết nhau từ lâu, chị cũng thường xuyên vay tiền của bà V để làm ăn. Cụ thể như sau:

- Ngày 13/5/2022 chị vay của bà V 560.000.000đ;
- Ngày 17/7/2022 chị trả bà V 250.000.000đ;
- Ngày 14/12/2022 chị vay của bà V 1.200.000.000đ;
- Ngày 10/4/2023 chị vay của bà V 1.300.000.000đ;

Sau đó vợ chồng chị đã thu xếp trả được cho bà V 1.990.000.000đ (*Một tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng*); đến ngày 17/4/2023 tại nhà bà V ở phố Tiên Sơn phường T giữa vợ chồng chị và bà V đã chốt lại số tiền vợ chồng chị còn nợ bà V là 820.000.000đ (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*) tiền gốc và 39.0000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*) tiền lãi nhưng trong giấy vay tiền ngày 17/4/2023 đã ghi tổng số tiền vợ chồng chị còn nợ bà V là 859.000.000đ (*Tám trăm năm mươi chín triệu đồng*). Vợ chồng chị và bà V có thỏa thuận về lãi suất là trả cho bà V là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*)/01 tháng đối với số tiền 859.000.000đ. Trong giấy vay tiền có thỏa thuận nếu bà V có nhu cầu lấy lại tiền trước hạn thì trong thời gian 05 ngày kể từ ngày bà V thông báo, vợ chồng chị cam kết hoàn trả đủ số tiền cho bà V. Ngày 30/5/2023 chị có nhận được thông báo của bà V yêu cầu vợ chồng chị trả tiền theo đường bưu điện nhưng do vợ chồng chị đang khó khăn chưa trả được nợ cho bà V. Nay bà V khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền 859.000.000đ (*Tám trăm năm mươi chín triệu đồng*). Vợ chồng chị xác nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 17/4/2023 là của vợ chồng chị ký tên và viết tên là đúng. Số tiền 859.000.000đ (*Tám trăm năm mươi chín triệu đồng*) trong đó có 820.000.000đ (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*) tiền gốc của bà V cho vợ chồng chị vay là đúng và 39.0000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*) tiền lãi của khoản vay trước cộng lại thành 859.000.000đ (*Tám trăm năm mươi chín triệu đồng*). Nay vợ chồng chị làm ăn gặp nhiều khó khăn nên mong bà V tạo điều kiện cho vợ chồng chị trả nợ dần. Hiện tại chị có đề nghị công an đang xem xét giải quyết liên quan đến số tiền chị vay của bà V 859.000.000đ (*Tám trăm năm mươi chín triệu đồng*) tại cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an tỉnh P.

* Anh Vũ Sinh Q ủy quyền cho vợ là chị Vũ Anh P tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền ngày 26/6/2023 nhưng ngày 09/10/2023 anh Q và chị P đã hủy Hợp đồng ủy quyền nêu trên, tại bản tự khai ngày 26/6/2023 anh Q trình bày quan điểm giống như chị P.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- *Anh Lưu Đức L xin vắng mặt và tại bản tự khai ngày 13/9/2023 anh L trình bày:* Ngày 14/12/2022 là đến ngày anh phải trả tiền cho Quỹ tín dụng nhân dân phường T với số tiền là 1.200.000.000đ (*Một tỷ, hai trăm triệu đồng*), lúc đó anh không có số tiền lớn đó để trả, anh có nhờ anh M khi đó làm giám đốc Quỹ tín dụng đáo hạn cho anh, thì anh M có giới thiệu chị P cho anh và sau đó anh và anh M có viết giấy vay tiền của chị P tại nhà anh M. Khi viết giấy xong, anh M và chị P bảo anh về và anh không được chứng kiến về việc hai người có đưa tiền cho nhau không, cho đến hết tháng anh có gọi điện hỏi anh M được giải ngân chưa thì được biết là chưa. Đến tháng 01, 02/2023 vẫn chưa được giải ngân cho đến tháng 03/2023 anh mới biết là được giải ngân rồi nhưng anh M cầm và không trả tiền cho chị P. Chị P đòi anh M không được thì quay sang đòi anh thì anh hỏi anh M là tiền phần trăm anh đã đưa cho anh M rồi sao chị P vẫn đòi anh. Đến sau này anh mới biết là chị P vay tiền của bà V để cho anh với anh M vay và số tiền 1.200.000.000đ này là anh M cầm. Việc bà V cho chị P vay tiền như thế nào anh không liên quan nếu phải trả thì anh và anh M vay của chị P thì có nghĩa vụ trả cho chị P mà không có nghĩa vụ trả cho bà V. Trong vụ án bà V khởi kiện vợ chồng chị P ra tòa đòi 859.000.000đ (*Tám trăm năm mươi chín triệu đồng*) anh không liên quan. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án không gọi anh đến làm việc vì anh phải đi làm, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải cũng như xét xử vụ án.

Để làm rõ một số nội dung liên quan đến vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Lưu Đức L và tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2023 anh L trình bày như sau: Anh có quan hệ là hàng xóm với chị Vũ P Anh và bà Hoàng Thị V và có quan hệ là bạn học phổ thông với anh Nguyễn Văn M. Khi anh vay số tiền 1.200.000.000đ của chị P, anh không hề biết nguồn gốc số tiền này chị P lấy ở đâu ra, chỉ khi bà V gọi điện cho anh nói đây là tiền của chị P vay của bà V và cho anh và anh M vay. Anh và anh M vay tiền của chị P từ ngày 14/12/2022 thì khoảng đến giữa tháng 02/2023 bà V mới gọi điện cho anh là số tiền đó là anh M cầm và nguồn gốc là của bà V. Việc bà V và chị P có quan hệ vay tiền với nhau anh không biết và không liên quan đó là việc vay mượn của các bà, anh chịu không biết. Ngoài lần vay tiền của chị P ngày 14/12/2022 thì anh không vay của chị P lần nào khác, chỉ vay đúng 1.200.000.000đ để đáo hạn. Tòa án có hỏi trước khi anh và anh M vay số tiền 1.200.000.000đ của chị P thì có việc bà V bảo với anh là bà V cho chị P vay tiền, sau đó để cho anh và anh M vay lại số tiền này của chị P không? Anh L trả lời không có việc này, vì anh chỉ biết anh M và nhờ anh M đáo hạn và anh M gọi chị P ra thì anh mới biết anh M bảo chị P là người lấy tiền cho anh và anh M vay, chứ trước đó anh cũng không biết bà V, chị P là ai, chỉ biết là người cùng xóm không biết các bà có tiền cho vay. Ngoài ra, Tòa án còn hỏi anh L có việc thỏa thuận giữa anh, anh M, chị P, bà V về việc chuyển giao nghĩa vụ, nghĩa là bà V cho chị P vay

tiền, sau đó chị P cho anh và anh M vay tiền thì anh và anh M có nghĩa vụ trả tiền cho bà V không? Anh L trả lời anh không biết bà V là ai chỉ biết chị P là người cho vay nếu có trả tiền thì chỉ trả tiền cho chị P thôi chứ còn không liên quan đến việc phải trả tiền cho bà V. Anh là người viết giấy vay tiền của chị P và anh M là người chịu trách nhiệm số tiền vay, anh không cầm lại giấy vay tiền này, khi viết xong anh M và chị P bảo viết xong rồi thì về còn hai người đưa tiền cho nhau thế nào anh không biết, không chứng kiến, giấy vay tiền ai cầm anh cũng không biết, chỉ khi lên Cơ quan điều tra - Công an tỉnh P thì bảo bà V cầm.

- Anh Nguyễn Văn M xin vắng mặt và tại bản tự khai ngày 21/9/2023 anh M trình bày: Anh Lưu Đức L vay vốn tại Quỹ tín dụng đến hạn thanh toán nhưng chưa thu hồi kịp vốn nhờ anh hỏi ai có tiền thì hỏi họ. Anh biết chị P tại phố Tiên Sơn, T có cho vay tiền. Anh giới thiệu cho anh L, sau đó anh L và chị P gặp nhau thống nhất cho nhau vay và anh là người làm chứng và chịu trách nhiệm trả khoản tiền vay của chị P vào hợp đồng vay vốn lại cho anh L. Khoản vay này anh chỉ biết là vay của chị P chứ không biết nguồn tiền chị P lấy ở đâu. Đến nay, anh được Tòa án nhân dân thành phố V thông báo tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự thụ lý số 117 ngày 19/6/2023 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa bà Hoàng Thị V với vợ chồng chị Vũ Anh P đòi số tiền 859.000.000đ. Việc này anh không biết và không liên quan, anh chỉ biết việc vay nợ của anh là với chị P còn anh không vay tiền của bà V trong khoản vay này. Trong vụ án dân sự trên anh thấy mình không có liên quan gì đến. Anh chỉ biết có vay tiền chị P và khi có tiền anh chỉ biết trả cho chị P. Nay anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P, vì vậy anh đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải và xét xử vụ án giữa bà V và chị P.

Để làm rõ một số nội dung liên quan đến vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Văn M và tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2023, anh M khai như sau: Hiện nay sức khỏe của anh B thường và anh có quan hệ là hàng xóm với chị P và bà V và là bạn học phổ thông với anh Lưu Đức L. Ngoài lần anh và anh L vay 1.200.000.000đ của chị P thì anh có vay của chị P hai, ba lần nhưng đều đã thanh toán hết cho chị P. Khi anh và anh L vay 1.200.000.000đ của chị P anh không biết nguồn gốc số tiền chị P lấy từ đâu mà chỉ đến khi lên cơ quan điều tra chị P khai nguồn tiền 1.200.000.000đ là của bà V, còn trước đó chị P có nói là có vay của bà V, còn việc chị P và bà V vay nhau như thế nào anh không hề biết. Giữa bà V và chị P có quan hệ vay tiền với nhau anh không có liên quan gì. Trước khi anh giới thiệu cho anh L vay 1.200.000.000đ của chị P thì không có việc bà V bảo với anh là bà V cho chị P vay tiền sau đó để anh và anh L vay lại số tiền này của chị P, anh không biết việc này và không trao đổi với bà V hay bất kỳ ai chỉ trao đổi với chị P để vay tiền thôi. Lý do anh giới thiệu anh L với chị P vay số tiền 1.200.000.000đ này là do anh L đến hạn thanh toán khoản vay tại Quỹ tín dụng nhân dân phường T mà anh biết chị P có tiền cho vay nên anh đã giới thiệu. Tòa án có hỏi anh M có sự thỏa thuận giữa anh, anh L, chị P về việc chuyển giao nghĩa vụ đối với khoản tiền vay 1.200.000.000đ này là phải trả cho bà V không thì anh M trả lời khoản vay này anh nhận nợ của chị P nên anh chỉ có nghĩa vụ trả cho chị P mà không có nghĩa vụ trả cho bà V hay bất kỳ ai hết. Anh Lưu Đức L là người viết giấy vay số tiền

1.200.000.000đ tại quán nhà anh và anh là người làm chứng và ghi nội dung có trách nhiệm trả khoản tiền vào Quỹ tín dụng nhân dân phường T cho anh L và phối hợp với anh L trả khoản vay trên cho chị P. Số tiền 1.200.000.000đ này anh nhận trực tiếp từ chị P mà không phải nhận từ anh L. Giấy vay tiền sau khi viết xong chị P cầm. Bà V khởi kiện chị P đối với số tiền 859.000.000đ anh không biết khoản vay này và không liên quan đến việc vay nợ giữa bà V và chị P.

* Tại phiên hòa giải ngày 28/8/2023 giữa bà V và chị P đã thống nhất được các nội dung như sau:

“Bà V và chị P đều thống nhất: Chị P và anh Q còn nợ bà V 820.000.000đ tiền gốc và 39.000.000đ là tiền lãi của khoản vay cũ và lãi suất của số tiền gốc 820.000.000đ là 10.000.000đ/1 tháng từ ngày 18/4/2023.

Chị P nhất trí trả cho bà V 820.000.000đ tiền gốc và tiền lãi của 820.000.000đ là 10.000.000đ/01 tháng kể từ ngày 18/4/2023 và 39.000.000đ là tiền lãi của khoản vay cũ, cụ thể là tiền lãi của ba khoản vay cũ là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng); 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng) và 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng). Hai bên cùng thống nhất, nhất trí không có thắc mắc gì về khoản tiền gốc và lãi nêu trên cũng như khoản tiền lãi của ba khoản vay cũ là 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng).

Hai bên không đưa ra tài liệu chứng cứ gì khác ngoài các tài liệu chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án”.

Tuy nhiên hai bên đã không thống nhất được nội dung về thời hạn trả nợ: Bà V đề nghị chị P và anh Q trả toàn bộ số tiền trên trong thời hạn 02 (hai) tháng. Chị P đề nghị trả toàn bộ số tiền trên trong thời hạn 04 (bốn) năm. Luật sư Nguyễn Văn B cho rằng số tiền trên liên quan đến ông M và ông L trong việc vay tiền và hành vi chiếm đoạt khoản tiền 1,2 tỷ đồng mà Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đang điều tra nên đề nghị tạm đình chỉ vụ án.

Ngoài nội dung các bên thống nhất thì còn một số nội dung các bên không thống nhất được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa sơ thẩm các bên vẫn giữ nguyên quan điểm như phiên hòa giải ngày 28/8/2023 và bà Hoàng Thị V đề nghị buộc chị Vũ Anh P và anh Vũ Sinh Q phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày 18/4/2023 đến ngày 16/11/2023 là 69.333.333đ (Sáu mươi chín triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) và 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng) là tiền lãi của khoản vay cũ. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là: 928.333.333đ (Chín trăm hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Luật sư Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ giải quyết vụ án và có bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Vũ P Anh lưu trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị V đối với vợ chồng chị Vũ Anh P và anh Vũ Sinh Q. Buộc chị Vũ Anh P và anh Vũ Sinh Q phải trả cho bà Hoàng Thị V số tiền nợ gốc là 820.000.000đ (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*) và lãi suất theo quy định của pháp luật; chị Vũ Anh P và anh Vũ Sinh Q phải trả cho bà Hoàng Thị V số tiền nợ lãi cộng dồn từ các khoản vay trước là 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Vũ Anh P và anh Vũ Sinh Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật. (*Nội dung cụ thể được nêu trong Bài phát biểu của kiểm sát viên lưu trong hồ sơ vụ án*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án xác định: Đây là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Hoàng Thị V và bị đơn vợ chồng chị Vũ Anh P, anh Vũ Sinh Q. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại số nhà 67, tổ 42, phố Tiên Sơn, phường T, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

[1.2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lưu Đức L và anh Nguyễn Văn M xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L và anh M.

[1.3]. Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ P Anh có đơn khiếu nại đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-DS ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân thành phố V xem xét hủy quyết định này để tạm đình chỉ vụ án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự để chờ kết quả điều tra, xác minh đơn của chị P và của bà Hoàng Thị V tố giác ông Nguyễn Văn M có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Cơ quan điều tra Công an tỉnh P. Tại Văn bản số: 42/2023/CV-TA ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V đã trả lời đơn khiếu nại của chị P với nội dung đơn đề nghị của chị về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án không có căn cứ. Sau khi nhận được văn bản trả lời của Tòa án nhân dân thành phố V, chị P tiếp tục có đơn khiếu nại lên Tòa án nhân dân tỉnh P và tại Văn bản số: 85/TA-KTNV ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh P đã trả lời đơn khiếu nại của chị P với nội dung: Việc giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố V đúng thẩm quyền và thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Việc Tòa án ra các quyết định tố tụng trong quá trình giải quyết chưa làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự vì đó không phải là quyết định cuối cùng. Đối với Công văn trả lời số: 42/2023/CV-TA ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V đã trả lời đúng quy định bởi lẽ: Tòa án chỉ giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi trong tố tụng dân sự của cơ quan, người tiến hành tố tụng dân sự khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi

đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Giải quyết khiếu nại nội dung trên do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên bà đề nghị giải quyết theo Luật khiếu nại là không đúng nên không được xem xét giải quyết.

Như vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 507 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Tòa án nhân dân tỉnh P có hiệu lực thi hành do vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Hoàng Thị V đề nghị vợ chồng chị Vũ Anh P, anh Vũ Sinh Q phải trả cho bà số tiền như đã thống nhất với chị P tại biên bản hòa giải ngày 28/8/2023 đó là: Chị P và anh Q còn nợ bà số tiền 820.000.000đ (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*) tiền gốc và 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*) là tiền lãi của khoản vay cũ cộng dồn và lãi suất của số tiền gốc 820.000.000đ (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*) là 10.000.000đ/01 tháng từ ngày 18/4/2023 đến ngày 16/11/2023 là 06 tháng 28 ngày là 69.333.333đ (*Sáu mươi chín triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*). Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là: 928.333.333đ (*Chín trăm hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*). Xét thấy trong giấy vay tiền ngày 17/4/2023 hai bên có thỏa thuận về thời hạn vay từ ngày 17/4/2023 đến ngày 17/4/2024, trường hợp bà V có nhu cầu lấy lại tiền trước hạn, trong thời gian 05 ngày kể từ ngày bà V thông báo, chị P anh Q cam kết hoàn trả đầy đủ số tiền vay trên theo đúng yêu cầu của bà V. Thực hiện cam kết này và do có nhu cầu lấy lại tiền trước hạn nên ngày 29/5/2023 bà V đã có thông báo bằng văn bản gửi cho chị P, anh Q theo đường bưu điện yêu cầu chị P, anh Q trả lại toàn bộ tiền gốc và lãi cho bà. Chị P, anh Q cũng thừa nhận đã nhận được thông báo yêu cầu trả tiền của bà V nhưng do anh chị khó khăn chưa có tiền trả. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà V khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố V yêu cầu chị P, anh Q phải trả số tiền trên là có căn cứ.

[2.2]. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa bà V và vợ chồng chị P, anh Q có quen biết là hàng xóm láng giềng với nhau, trước đó các bên có vay nợ nhau nhiều lần và đến ngày 17/4/2023 giữa bà V cùng vợ chồng chị P, anh Q đã chốt lại số tiền chị P, anh Q còn nợ bà V là 859.000.000đ (*Tám trăm năm mươi chín triệu đồng*). Trong đó có 820.000.000đ (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*) tiền gốc và 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*) tiền lãi của các khoản vay cũ, ngoài ra chị P, anh Q còn thỏa thuận mỗi tháng trả cho bà V 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tiền lãi được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 17/4/2023 và Giấy cam kết ngày 17/4/2023.

Quá trình giải quyết vụ án, đã làm rõ được trong số tiền 859.000.000đ (*Tám trăm năm mươi chín triệu đồng*) này có 820.000.000đ (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*) là tiền gốc và lãi suất của số tiền gốc 820.000.000đ (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*) là 10.000.000đ/01 tháng kể từ ngày 18/4/2023 và 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*) là tiền lãi của các khoản vay cũ cộng dồn, cụ thể là tiền lãi của các khoản vay 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*); 310.000.000đ (*Ba trăm mười triệu đồng*) và 1.300.000.000đ (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*).

Xét thấy tại phiên hòa giải ngày 28/8/2023 cũng như tại các phiên tòa ngày 30/10/2023, ngày 16/11/2023 bà V và chị P, anh Q không có thay đổi gì đối với số tiền đã thống nhất như trên. Chị P, anh Q đều nhất trí trả cho bà V 820.000.000đ

(Tám trăm hai mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi của 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) là 10.000.000đ/01 tháng kể từ ngày 18/4/2023 và 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng) là tiền lãi của các khoản vay cũ. Hai bên cùng thống nhất, nhất trí không có thắc mắc gì về khoản tiền gốc, lãi cũng như khoản tiền lãi của các khoản vay cũ cộng dồn là 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng).

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện rõ ràng và mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó hai bên bà V và chị P, anh Q đã thừa nhận và thống nhất được với nhau về khoản tiền gốc, tiền lãi và lãi suất như trên nên Hội đồng xét xử xét thấy là tình tiết rõ ràng và không phải chứng minh nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về khoản tiền lãi: Tại Giấy cam kết ngày 17/4/2023, chị P, anh Q có cam kết như sau: “Kể từ ngày 17.4.2023 chúng tôi chỉ còn nợ lại chị V số tiền là 820.000.000đ và tiền lãi cũ là 39.000.000đ. Mỗi tháng chúng tôi cam kết trả chị V 10.000.000đ tiền lãi”. Đến nay chị P, anh Q vẫn nhất trí nội dung đã thỏa thuận là trả cho bà V tiền lãi là 10.000.000đ/01 tháng/số tiền gốc còn nợ là 820.000.000đ kể từ ngày 18/4/2023. Xét thấy, tại Giấy vay tiền ngày 17/4/2023 các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 17/4/2023 đến ngày 17/4/2024, mặc dù bà V có nhu cầu lấy lại tiền trước hạn nhưng điều này đã được các bên thỏa thuận trong giấy vay tiền và đến thời điểm hiện tại vợ chồng chị P, anh Q vẫn không trả được nợ gốc và lãi cho bà V như đã cam kết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm (tương đương là 1,66%/tháng) của khoản tiền vay. Như vậy thì thỏa thuận về lãi suất như trên tương đương là 1,22%/tháng, đây là lãi suất trong hạn đã được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật và tiền lãi này sẽ được tính từ ngày 18/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/11/2023 là 06 tháng 28 ngày x 10.000.000đ/01 tháng/số tiền gốc là 820.000.000đ là 69.333.333đ. (Sáu mươi chín triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng). Do đó, chị P anh Q phải trả số tiền lãi trên cho bà V là đúng.

[2.4]. Đối với quan điểm của Luật sư Nguyễn Văn B đề nghị số tiền 859.000.000đ mà chị P nợ bà V đến ngày 17/4/2023 trong đó có: 820.000.000đ tiền gốc và 39.000.000đ tiền lãi là khoản tiền có liên quan đến ông M và ông L trong việc vay tiền và hành vi chiếm đoạt khoản tiền 1,2 tỷ đồng mà Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đang tiến hành điều tra, xác minh, nên đề nghị tạm đình chỉ vụ án để đợi kết quả giải quyết của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P. Với quan điểm này của luật sư B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị P, anh Q có trình bày số tiền bà V yêu cầu anh chị phải trả là 859.000.000đ hiện đang được Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P giải quyết. Để làm rõ nội dung liên quan, ngày 03/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P đã có Công văn số 87/2023/CV-TA gửi Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P và đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P rà soát và cung cấp thông tin cho Tòa án biết hiện Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P có điều tra, giải quyết vụ án nào liên quan đến Hợp đồng vay tiền giữa bên cho vay là bà Hoàng Thị V và bên vay là vợ chồng chị Vũ Anh P, anh Vũ Sinh Q không? Và tại Văn bản số

2224/CQCSĐT-CSHS (Đ2) ngày 07/7/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P cung cấp thông tin như sau:

“1. Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P (PC02) không thụ lý, điều tra, giải quyết vụ việc cũng như vụ án nào liên quan đến nội dung bà Hoàng Thị V, sinh năm 1964, địa chỉ: Số nhà 98, tổ 42, phố Tiên Sơn, phường T, thành phố V, tỉnh P tố giác chị Vũ Anh P, sinh năm 1978 và anh Vũ Sinh Q, sinh năm 1976 đều có địa chỉ tại số nhà 67, tổ 42, phố Tiên Sơn, phường T, thành phố V, tỉnh P

2. Liên quan đến bà Hoàng Thị V và chị Vũ Anh P hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P (PC02) đang kiểm tra, xác minh đơn của bà V và chị P tố giác anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1975 ở phố Thành Công, T, V, P có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P có đơn đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do: Chị đã làm đơn tố cáo và đề nghị công an làm việc với ông Nguyễn Văn M và ông Lưu Đức L, quá trình điều tra cơ quan công an cũng đang xem xét về nguồn gốc số tiền vay cũng như vai trò của bà V và chị P trong vụ án được thụ lý theo thông báo thụ lý số: 39/TB-CSHS(Đ2) ngày 17/5/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P. Vì vậy, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 76/2023/QĐ-CCTLCC ngày 25/7/2023 yêu cầu bị đơn chị Vũ Anh P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P là ông Nguyễn Văn B cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đang điều tra giải quyết vụ án liên quan đến vụ án dân sự giữa bà Hoàng Thị V khởi kiện chị Vũ Anh P, anh Vũ Sinh Q đối với Giấy vay tiền giữa bên cho vay là bà Hoàng Thị V và bên vay là vợ chồng chị Vũ Anh P, anh Vũ Sinh Q đối với khoản tiền 859.000.000đ (Tám trăm năm mươi chín triệu đồng) (Trong đó gồm 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) tiền gốc và 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng) tiền lãi của nợ cũ). Đến ngày 10/8/2023, Tòa án có nhận được 01 đơn đề nghị (viết tay) kính gửi Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P của ông Nguyễn Trọng Tấn - ghi là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vũ Anh P, tuy nhiên ngày 24/7/2023 Tòa án có nhận được Giấy giới thiệu của Văn phòng Luật sư Thiên An Lương giới thiệu ông Nguyễn Văn B; Nguyễn Trọng Tấn chức vụ Luật sư và Cộng sự bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Vũ Anh P là bị đơn trong vụ án tranh chấp tài sản vay; 01 bản sao công chứng thẻ luật sư Nguyễn Văn B, 01 bản phô tô đơn yêu cầu cung cấp dịch vụ pháp lý của chị Vũ Anh P và 01 bản phô tô căn cước công dân họ tên Nguyễn Trọng Tấn, sau khi đối chiếu với quy định tại Điều 75 Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các giấy tờ của Văn phòng Luật sư Thiên An Lương gửi cho Tòa án, thì chỉ có giấy tờ của ông Nguyễn Văn B là hợp lệ nên Tòa án chỉ xác nhận ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Thiên An Lương là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Vũ Anh P, do vậy ông Nguyễn Trọng Tấn không phải là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị P. Đối với Đơn đề nghị của ông Nguyễn Trọng Tấn gửi cho Tòa án thấy rằng nội dung làm việc với điều tra viên Công an tỉnh P nhưng không có xác nhận, chữ ký, họ tên của người có thẩm quyền và đóng dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P cũng như xác nhận và đóng dấu của Văn phòng Luật sư Thiên An Lương cho nên Đơn đề nghị này không

có đủ cơ sở pháp lý để xem xét. Chính vì vậy, ngày 17/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố V đã có Biên bản xác minh tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P để làm rõ nội dung cần xác minh như trên và được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P cung cấp như sau: “Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đang thụ lý vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại phường T, V, P do Nguyễn Văn M thực hiện. Hồ sơ thể hiện lời khai của Vũ Anh P khai báo: Số tiền 1,2 tỷ mà bà P cho Lưu Đức L và Nguyễn Văn M vay, nguồn gốc do bà P vay của bà Hoàng Thị V. Sau khi cho ông L, ông M vay tiền, giấy tờ bà V là người quản lý. Lời khai của bà Hoàng Thị V thể hiện: Bà V có cho bà P vay 1,2 tỷ. Khi vay bà P nói là để cho ông M, ông L vay, còn họ giao dịch với nhau thế nào bà V không liên quan, khi viết giấy vay tiền xong bà V quản lý.

Toàn bộ khoản tiền bà P vay của bà V là giao dịch dân sự thông thường, Cơ quan cảnh sát điều tra không thụ lý đơn tố giác vụ án, vụ việc nào liên quan đến việc bà P, ông Q tố giác bà V và ngược lại bà V tố giác bà P, ông Q”.

Ngày 12/9/2023, Tòa án đã đưa anh Lưu Đức L và anh Nguyễn Văn M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và anh L, anh M có trình bày: Do anh L cần đáo hạn số tiền 1.200.000.000đ tại Quỹ tín dụng nhân dân phường T nên anh M khi đó là Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân phường T có giới thiệu chị Vũ Anh P cho anh L vay tiền, vì anh M biết chị P là người có tiền cho vay. Đối với số tiền 1.200.000.000đ này anh M và anh L chỉ biết vay của chị P còn chị P vay của ai hay lấy số tiền đó ở đâu các anh đều không biết, chỉ sau này chị P, bà V có nói lại là nguồn gốc số tiền đó là của bà V cho chị P vay. Anh L, anh M khẳng định là không có sự bàn bạc, thống nhất giữa bà V, chị P với các anh về số tiền vay này mà anh L và anh M chỉ biết vay tiền từ chị P và có nghĩa vụ trả tiền cho chị P chứ không trả cho bà V vì không liên quan. Anh L và anh M cũng khẳng định anh L là người viết giấy vay tiền và anh M có xác nhận vào giấy vay tiền, sau khi viết xong thì chị P là người giữ giấy vay tiền này. Số tiền 1.200.000.000đ này chị P là người trực tiếp đưa cho anh M, sau đó anh M đã đáo hạn Quỹ tín dụng cho anh L, nhưng khi đáo hạn Quỹ tín dụng xong anh M đã cầm số tiền này không trả lại cho chị P nên hành vi này của anh M đang bị Cơ quan điều tra xem xét có dấu hiệu lừa đảo hay không.

Từ những tài liệu, chứng cứ thu thập được thấy rằng đối với số tiền 1.200.000.000đ, nguồn tiền là của bà V cho chị P vay, sau đó chị P đã đem số tiền này cho anh L và anh M vay. Khi bà V cho chị P vay là đã chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt số tiền này từ bà V sang chị P, chị P sử dụng số tiền đó như thế nào là toàn quyền quyết định của chị P. Đây là các quan hệ dân sự về vay tài sản hoàn toàn độc lập với nhau, không có sự bàn bạc, thống nhất, thỏa thuận giữa bà V, chị P với anh L, anh M về số tiền này và anh L, anh M cũng đã khẳng định chỉ vay số tiền 1.200.000.000đ của chị P và có nghĩa vụ trả cho chị P mà không có nghĩa vụ trả cho bà V hay bất kỳ ai khác. Quá trình giải quyết vụ án chị P cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự bàn bạc, thỏa thuận giữa bà V, chị P, anh L, anh M đối với số tiền 1.200.000.000đ này. Do đó không thể có căn cứ cho rằng có liên quan đến việc anh M đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P để tạm đình chỉ giải quyết vụ án và chờ kết quả của Cơ quan cảnh sát điều

tra - Công an tỉnh P. Vì vậy, đề nghị này của luật sư Nguyễn Văn B không có căn cứ để chấp nhận.

[2.5]. Đối với Giấy vay tiền 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) giữa chị P với anh L, anh M. Chị P trình bày là bà V giữ, bà V trình bày là đã trả cho chị P. Xét thấy đây là do hai bên tự thỏa thuận và đưa cho nhau cầm giấy tờ mà không liên quan đến nội dung giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.6]. Tại đơn xin hoãn phiên tòa ngày 09/10/2023 của ông Nguyễn Văn B có cho rằng Giấy vay tiền ngày 17/4/2023 của vợ chồng chị P vay của bà V 859.000.000đ là giả mạo. Hội đồng xét xử thấy rằng đối với khoản tiền 859.000.000đ đã được làm rõ trong quá trình giải quyết vụ án cụ thể: Tại biên bản hòa giải ngày 28/8/2023 và tại các phiên tòa ngày 30/10/2023, ngày 16/11/2023, đây là số tiền của nhiều khoản vay trước đó giữa bà V và vợ chồng chị P, anh Q, sau khi vợ chồng chị P, anh Q trả được gốc và lãi của một số khoản vay thì đến ngày 17/4/2023 hai bên đã chốt lại số tiền còn nợ, việc chốt nợ này là hoàn toàn hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Chị P, anh Q đã thừa nhận nhiều lần vay tiền của bà V là đúng và ngày 17/4/2023 là chốt lại nợ. Chị P, anh Q khẳng định chữ ký, chữ viết họ tên trong Giấy vay tiền này là đúng của anh chị và anh chị cũng cam kết có nghĩa vụ trả nợ cho bà V. Do vậy, luật sư B cho rằng giấy vay tiền ngày 17/4/2023 là giả mạo là hoàn toàn không có căn cứ.

Đối với các tin nhắn Luật sư Nguyễn Văn B trình bày trong đơn xin hoãn phiên tòa ngày 09/10/2023 thấy rằng: Các tin nhắn ngày 16/02/2023; ngày 16/3/2023 bà V nhắn cho anh L thể hiện bà V đòi hộ tiền cho chị P mà không có nội dung nào yêu cầu anh L trả tiền cho bà V hoặc anh L trả tiền cho chị P để chị P trả cho bà V. Còn đối với tin nhắn của anh M nhắn cho chị P vào các ngày 03/12/2022; ngày 12/12/2022; ngày 22/12/2022; ngày 05/01/2023 và ngày 14/01/2023. Hội đồng xét xử thấy rằng trong lời khai của bà V và chị P, anh Q, hai bên có thống nhất chị P, anh Q đã trả được cho bà V 1.990.000.000đ tiền gốc đến và ngày 17/4/2023 chị P, anh Q còn nợ lại bà V 820.000.000đ tiền gốc và 39.000.000đ tiền lãi cũ. Do vậy, những tin nhắn này đã có trước thời điểm bà V và vợ chồng chị P, anh Q chốt nợ ngày 17/4/2023 nên không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà V trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.7]. Tại phiên tòa ngày 30/10/2023, Luật sư Nguyễn Văn B có giao nộp cho Hội đồng xét xử 01 bản phô tô Giấy biên nhận vay tiền (viết tay) ghi ngày 14/12/2020 và chị P có trình bày giấy biên nhận vay tiền này do chị viết có nội dung: Chị P vay bà V số tiền 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*). Thời hạn vay từ ngày 14/12/2022 đến 24/12/2022. Mục đích để trả nợ món vay cho anh Lưu Đức L đang vay tại Quỹ tín dụng nhân dân phường T, thành phố V và chị P có hẹn bà V trong vòng 10 ngày anh L được giải ngân khoản tiền vay tại Quỹ tín dụng phường T thì chị sẽ lấy số tiền đó trả đầy đủ số tiền vay bà V là 1.200.000.000đ. Lãi suất thỏa thuận theo ngân hàng nhà nước quy định 1%/tháng. Chị P còn trình bày Giấy vay tiền này bà V đã nộp cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh P.

Để làm rõ đối với Giấy vay tiền trên, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa và yêu cầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 30/10/2023, bị đơn chị Vũ Anh P và người

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P là Luật sư Nguyễn Văn B cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P bản chính hoặc bản sao công chứng các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc bà Hoàng Thị V đã nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P Giấy biên nhận vay tiền do chị Vũ Anh P viết tay đề ngày 14/12/2022. Tuy nhiên, đến phiên tòa hôm nay phía bị đơn cũng như luật sư Nguyễn Văn B không cung cấp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu, Tòa án chỉ nhận được 01 Đơn đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đề ngày 13/11/2023 do ông Nguyễn Văn B cung cấp và ông B có ghi nội dung “...Thực hiện yêu cầu trên, ngày 09/11/2023, tôi đã điện thoại trực tiếp với ông Ung Trung Hoàn, Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh P, đề nghị xác nhận hoặc cho sao tài liệu có liên quan đến việc bà Hoàng Thị V đã nộp Giấy biên nhận vay tiền do chị Vũ Anh P viết tay đề ngày 14/12/2022 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P. Tuy nhiên, ông Hoàn cho biết: Vụ án đang trong quá trình điều tra, nếu có tài liệu liên quan đến vụ án bà P thì ông sẽ cho xem để biết chứ không thể xác nhận hay cho sao chép hồ sơ được” và ông B đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Đối với nội dung ông B đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã phân tích rõ tại phần [2.4] của bản án nên lý do ông B đưa ra không có căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 14/12/2022 ông B nộp cho Tòa án là bản phô tô, Giấy biên nhận này do chị P viết nội dung và ký vào người vay tiền mà không có chữ ký hay xác nhận của bà V, anh L hay bất kỳ cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nào khác. Do vậy, căn cứ vào Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định thì chứng cứ phải là những gì có thật và phải đảm bảo tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp. Với bản phô tô Giấy biên nhận nêu trên chỉ thể hiện ý chí của chị P không đảm bảo về tính khách quan và tính hợp pháp nên không thể coi là chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá.

[2.8]. Từ những căn cứ và phân tích trên đây thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày 18/4/2023 đến ngày 16/11/2023 là 06 tháng 28 ngày là 69.333.333đ (Sáu mươi chín triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) và 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng) là tiền lãi của các khoản vay cũ. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là: 928.333.333đ (Chín trăm hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nội dung khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[5]. Xét quan điểm của Luật sư Nguyễn Văn B là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 280, 463, 465, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị V đối với vợ chồng chị Vũ Anh P và anh Vũ Sinh Q về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc chị Vũ Anh P và anh Vũ Sinh Q phải trả cho bà Hoàng Thị V số tiền nợ gốc là 820.000.000đ (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*); tiền lãi tính từ ngày 18/4/2023 đến ngày 16/11/2023 là 69.333.333đ (*Sáu mươi chín triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*) và 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*) là tiền lãi của các khoản vay cũ. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là: 928.333.333đ (*Chín trăm hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Vũ Anh P và anh Vũ Sinh Q phải chịu 39.849.999đ (*Ba mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng*).

Bà Hoàng Thị V được trả lại 18.885.000đ (*Mười tám triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000404 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. V, T. P;
- Chi cục THADS TP. V, T. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị H